

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 (Nguyễn Bình)

Phần A.I,II. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	7,50	Bảy phẩy năm	41	Đặng Thị Lịch	6,25	Sáu phẩy hai năm
2	Lương Thị Kim Cúc	7,25	Bảy phẩy hai năm	42	Hoàng Thị Liên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Ngô Đức Chính	6,00	Sáu	43	Hà Thị Hồng Linh	7,50	Bảy phẩy hai năm
4	Nguyễn Văn Chuyên	5,00	Năm	44	Bàn Thị Lưu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Triệu Thị Diệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Tô Thị Mến	7,50	Bảy phẩy hai năm
6	Nguyễn Thị Thu Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	46	Hoàng Lê Miên	7,25	Bảy phẩy hai năm
7	Hoàng Kim Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	47	Bé Thị Lê Na	7,00	Bảy
8	Hoàng Thị Dung	8,00	Tám	48	Chu Thị Nài	7,50	Bảy phẩy hai năm
9	Hoàng Anh Dũng	7,50	Bảy phẩy năm	49	Hoàng Thị Nét	8,00	Tám
10	Hoàng Thị Duyên	6,50	Sáu phẩy năm	50	Diêu Thị Nga	7,00	Bảy
11	Lê Thị Diệp	8,00	Tám	51	Triệu Thị Nga	6,00	Sáu
12	Nông Văn Giang	7,25	Bảy phẩy hai năm	52	Hoàng Thị Nga	7,00	Bảy
13	Nông Đức Giáp	7,25	Bảy phẩy hai năm	53	Hoàng Minh Nga	6,75	Sáu phẩy bảy năm
14	Nông Thị Gióng	7,50	Bảy phẩy năm	54	Chu Thị Ngân	6,00	Sáu
15	Tô Hồng Hạnh	7,50	Bảy phẩy năm	55	Triệu Kim Ngân	5,25	Năm phẩy hai năm
16	Nông Thị Hằng	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Nông Thị Ngân	7,50	Bảy phẩy hai năm
17	Nông Thu Hằng	7,25	Bảy phẩy hai năm	57	Lương Thị Ngọc	6,50	Sáu phẩy hai năm
18	Đàm Thị Thúy Hằng	7,25	Bảy phẩy hai năm	58	Hoàng Thị Nha	7,50	Bảy phẩy hai năm
19	Nông Thị Hân	7,50	Bảy phẩy năm	59	Lương Thị Phượng	7,00	Bảy
20	Đặng Thu Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Lê Thị Phượng	7,25	Bảy phẩy hai năm
21	Đinh Ích Hiếu	7,00	Bảy	61	Ma Thị Quyên	7,00	Bảy

th

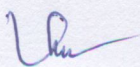
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
22	Đào Thị Hoa	6,50	Sáu phẩy năm	62	Lê Đăng Tiến	7,00	Bảy
23	Chu Thị Hoàn	7,50	Bảy phẩy năm	63	Bé Quang Tiến	5,00	Năm
24	Cung Lê Hoàng	5,50	Năm phẩy năm	64	Vi Hữu Toàn	7,50	Bảy phẩy hai năm
25	Nông Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	65	Hà Quốc Toàn	7,50	Bảy phẩy hai năm
26	Đinh Văn Huấn	7,50	Bảy phẩy năm	66	Hoàng Thị Thanh Tuyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Triệu Ngọc Huấn	5,00	Năm	67	Hà Thị Tuyết	7,50	Bảy phẩy hai năm
28	Phương Quốc Huy	7,00	Bảy	68	Hà Văn Tuynh	7,00	Bảy
29	Đinh Thị Thu Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	69	Trương Thị Mai Thanh	7,50	Bảy phẩy hai năm
30	Nguyễn Thị Minh Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	70	Bàn Văn Thắng	6,00	Sáu
31	Tạ Thu Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	71	Nông Thị Bích Thu	7,50	Bảy phẩy hai năm
32	Đàm Thị Hương	5,00	Năm	72	Lương Thị Thùy	7,00	Bảy
33	Nguyễn Thanh Hương	7,50	Bảy phẩy năm	73	Nguyễn Thị Thúy	7,25	Bảy phẩy hai năm
34	Hoàng Thị Hường	7,50	Bảy phẩy năm	74	Bàn Phúc Thượng	6,50	Sáu phẩy hai năm
35	Lương Xuân Hương	7,00	Bảy	75	Lương Văn Trinh	7,25	Bảy phẩy hai năm
36	Nông Văn Khởi	7,00	Bảy	76	Lý Ngọc Trịnh	6,50	Sáu phẩy hai năm
37	Hoàng Thị Lan	8,25	Tám phẩy hai năm	77	Nông Thị Uyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
38	Lương Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	78	Phạm Thị Hồng Việt	7,25	Bảy phẩy hai năm
39	Hà Hồng Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	79	Chu Thị Yên	7,50	Bảy phẩy hai năm
40	Dương Văn Lành	7,00	Bảy				

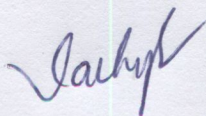
Điểm 5,00: 04 điểm; Điểm 5,25: 04 điểm; Điểm 5,50: 04 điểm; Điểm 6,00: 04 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 05 điểm; Điểm 7,00: 13 điểm; Điểm 7,25: 12 điểm; Điểm 7,50: 24 điểm; Điểm 7,75: 09 điểm; Điểm 8,00: 03 điểm; Điểm 8,25: 01 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG







Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Hoàng Việt Hưng